

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai giao dự toán**  
**ngân sách nhà nước năm 2025**

**CHÁNH VĂN PHÒNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15 ngày 24/6/2025;*

*Căn cứ Luật ngân sách năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao (theo biểu mẫu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng phòng Hành chính, cá nhân và các đơn vị liên quan thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục 3;
- Trang TTĐT (đề t/h);
- Lưu :VT, Ptv.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

(Đã ký)

**Phạm Thanh Tùng**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 02/QĐ-VP ngày 09 / 01 /2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2026
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>515.494,7</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính (L340 - K341)</b>	<b>510.494,7</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	427.088,8
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	83.405,9
<b>2</b>	<b>Kinh phí bồi thường thiệt hại toàn ngành (L340- K368)</b>	<b>5.000,0</b>
2.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.000,0
<b>3</b>	<b>Nghiên cứu khoa học (L100 - K103)</b>	
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ	
<b>4</b>	<b>Đào tạo bồi dưỡng cán bộ (L070- K 085)</b>	
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số: 267/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 ngày tháng 11 năm 2025 của Quốc hội khoá XV về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3 trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài thực hiện tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương) theo Nghị Quyết của Chính phủ.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong ngành Kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Kho bạc nhà nước (để biết);
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Các đồng chí thành viên Tổ công tác của Ngành;
- Lưu VP; C3.

B-100b

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Giảng**

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
*(Kèm theo Quyết định số 267/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

**ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

**Mã số đơn vị quan hệ ngân sách: 1003046**

**Mã số KBNN nơi giao dịch: 0011**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
	<b><u>TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO</u></b>	<b>515.494,7</b>
-	<i>Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<b>427.088,8</b>
-	<i>Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<b>88.405,9</b>
<b>I</b>	<b>KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (L340- 341)</b>	<b>510.494,7</b>
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	427.088,8
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	83.405,9
<b>II</b>	<b>KINH PHÍ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TOÀN NGÀNH (L340-368) (Kinh phí không thực hiện tự chủ)</b>	<b>5.000,0</b>

**Ghi chú:**

<b><u>I KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</u></b>	<b>510.494,7 triệu đồng</b>
<b>1. Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 13)</b>	<b>427.088,8 triệu đồng</b>
<b>1.1. Quỹ tiền lương biên chế</b>	<b>262.274,1 triệu đồng</b>
Quỹ tiền lương của biên chế. Trong đó: đã điều chỉnh tăng kinh phí tiền lương do điều động 818,9 triệu đồng sau khi đối trừ: + Điều chỉnh giảm 1.850,1 trđ trong đó: giảm 359,0 trđ về VPT2; giảm 1.491,1 trđ về Cục 2 + Điều chỉnh tăng 2.669,0 trđ trong đó: tăng 129,6 trđ từ VKSND Hà Nội; tăng 97,1 trđ từ VKSND Phú Thọ; tăng 671,5 trđ từ VPT1; tăng 185,6 trđ từ VKSND Hà Tĩnh; tăng 223,1 trđ từ VKSND Lai Châu; tăng 57,3 trđ từ VKSND Bắc Ninh; tăng 35,9 trđ từ VKSND Nghệ An; tăng 57,3 trđ từ VKSND Phú Thọ; tăng 427,4 trđ từ VKSND Ninh Bình; tăng 123,7 trđ từ VKSND Thái Nguyên; tăng 246,7 trđ từ Cục 2; tăng 255,8 trđ từ VKSND Quảng Ninh; tăng 158 trđ do điều động công chức từ Trường Đại học Kiểm sát về Văn phòng VKSND tối cao	<b>255.687,1 triệu đồng</b>
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14)	<b>6.587,0 triệu đồng</b>
<b>1.2 Định mức chi thường xuyên cơ sở</b>	<b>77.321,0 triệu đồng</b>
- Định mức chi thường xuyên cơ sở của Biên chế	<b>77.321,0 triệu đồng</b>

<b>1.3 Các khoản chi thường xuyên đặc thù</b>	<b>87.493,7 triệu đồng</b>
- Chi cho HĐLĐ lái xe ô tô chuyên dùng phát sinh của VKSND khu vực (bao gồm tiền lương và chi thường xuyên năm 2026)	16.884,0 triệu đồng
- Chi đoàn ra, đoàn vào	10.000,0 triệu đồng
- Chi khen thưởng toàn Ngành	30.000,0 triệu đồng
- Kinh phí nộp thuế trước bạ, biển số xe	139,5 triệu đồng
- Kinh phí đấu thầu các gói thầu mua sắm tập trung	600,0 triệu đồng
- Kinh phí công tác chỉ đạo điều hành của VKSND tối cao (để chi cho các nhiệm vụ phát sinh khác trong năm của Ngành: chi thi tuyển Công chức; chi HĐLĐ phát sinh; Kinh phí khắc phục bão lũ phát sinh; chi hội thao Ngành; chi Hội nghị tập huấn...)	27.370,2 triệu đồng
- Kinh phí xây dựng các Đề án	2.500,0 triệu đồng
<b>2 Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>	<b><u>83.405,9</u> triệu đồng</b>
<i>Kinh phí quỹ tiền thưởng cho biên chế năm 2026 (nguồn 18). Trong đó: đã điều chỉnh tăng kinh phí tiền thưởng do điều động là 107,5 triệu đồng sau khi đối trừ:</i>	
+ Điều chỉnh giảm 122,4 trđ trong đó, giảm 20,4 trđ về VPT2; giảm 102,0 trđ về Cục 2	
+ Điều chỉnh tăng 221,5trđ trong đó, tăng 17,8 trđ từ VKSND Hà Nội; tăng 18,7 trđ từ VKSND Phú Thọ; tăng 46,0 trđ từ VPT1; tăng 13,1 trđ từ VKSND Hà Tĩnh; tăng 15,2 trđ từ VKSND Lai Châu; tăng 8,4 trđ từ VKSND Bắc Ninh; tăng 7,5 trđ từ VKSND Nghệ An; tăng 30,4 trđ từ VKSND Ninh Bình; tăng 12,4 trđ từ VKSND Thái Nguyên; tăng 24,5 trđ từ Cục 2; tăng 22,7 trđ từ VKSND Quảng Ninh; tăng 6,6 trđ từ VKSND TP HCM; tăng 6.6 trđ từ VKSND Lâm Đồng	
<b>2.1</b>	<b>10.212,9 triệu đồng</b>
<b>2.2 Chi hoạt động đặc thù ngoài định mức (nguồn 12)</b>	<b>50.000,9 triệu đồng</b>
- Kinh phí chi công tác kiểm sát trại giam, trại tạm giam, phân trại tạm giam	2.000,0 triệu đồng
- Kinh phí chi hoạt động điều tra, xác minh tin báo, tố giác tội phạm; tham gia kiểm sát quá trình điều tra và trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra; hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật	48.000,9 triệu đồng
<b>2.3 Kinh phí giao theo nhiệm vụ</b>	<b>200,0 triệu đồng</b>
- Chi Giám định tư pháp và chi khám chữa bệnh bắt buộc	200,0 triệu đồng
<b>2.4 Kinh phí thuê trụ sở, thuê nhà ở công vụ</b>	<b>660,0 triệu đồng</b>
- Thuê nhà ở công vụ cho Phó Viện trưởng VKSND tối cao	660,0 triệu đồng
<b>2.5 Kinh phí may sắm trang phục</b>	<b>3.847,0 triệu đồng</b>
<b>2.6 Kinh phí sửa chữa trụ sở</b>	<b>14.870,0 triệu đồng</b>
- Sửa chữa trụ sở VP VKSTC tại 34 Hàng Thuyền, TP. HCM	14.870,0 triệu đồng
<b>2.7 Kinh phí cho hoạt động tương trợ tư pháp</b>	<b>3.615,1 triệu đồng</b>
<b>II <u>KINH PHÍ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TOÀN NGÀNH (L340-368)</u></b>	<b><u>5.000,0</u> triệu đồng.</b>

## VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

**PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
 (Kèm theo Quyết định số 267/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Đơn vị: triệu đồng

STT	VKS tỉnh	Tên đơn vị cấp III	Tổng dự toán toán ngành	Quản lý hành chính						Sự nghiệp giáo dục đào tạo					Sự nghiệp khoa học công nghệ (Không tự chủ)(loại 100-103)	
				Tổng số	Loại 340-341	Trong đó		Loại 340-368	Trong đó		Cộng giáo dục đào tạo	Loại 070-081	Trong đó			Đào tạo, bồi dưỡng CBCC
						Tự chủ	Không Tự chủ		Tự chủ	Không Tự chủ			KP giao tự chủ	KP không tự chủ		
1	2	3=4+11+16	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15	16	
	VP VKSTC	VP VKSTC	515.494,7	515.494,7	510.494,7	427.088,8	83.405,9	5.000,0		5.000,0	-	-	-	-	-	
	VP VKSTC Total		515.494,7	515.494,7	510.494,7	427.088,8	83.405,9	5.000,0	-	5.000,0	-	-	-	-	-	
	Grand Total		515.494,7	515.494,7	510.494,7	427.088,8	83.405,9	5.000,0	-	5.000,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

